



zhǎn chì

展翅

verb · to spread wings

Example Sentences

Xiǎo niǎo zhǎn chì fēi xiàng tiān kōng

小鸟展翅飞向天空。

The little bird spread its wings and flew toward the sky.

Xióng yīng zhǎn chì gāo fēi qì shì páng bó

雄鹰展翅高飞，气势磅礴。

The eagle spreads its wings and soars high with majestic momentum.

Trace each character, then write the word on your own.

展	展	展	展	展	展	展	展	展	展	展
展	展									

翅	翅	翅	翅	翅	翅	翅	翅	翅	翅	翅
翅	翅									
